

Bản án số: **08/2021/HS-ST**

Ngày: 14 - 4- 2021

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thượng Trọng Ký

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Trung Thành

2. Ông Nguyễn Văn Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Kim Chi– Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Tịnh tham gia phiên tòa:** Bà Võ Hoàng Duy Y và bà Nguyễn Thị Kim Q- Kiểm sát viên.

Trong các ngày 08 và ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2020/TLST- HS ngày 31 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST- HS ngày 09 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST- HS ngày 09 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN THIÊN TH.** Tên gọi khác: không; Sinh ngày: 20 tháng 3 năm 1966, tại Quảng Ngãi; Nơi ĐKKHKT: số 86A (nay là số 15A) đường Trần Văn K, phường 14, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: số 1112 đường Q, phường Ch, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: không ổn định; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trần Đ (chết); con bà: Lê Thị Ch (chết); Có vợ: Nguyễn Thị Mỹ H (đã ly hôn năm 1995) và 01 con, sinh năm 1992; Bị cáo là con thứ 05 trong gia đình có 05 anh chị em.

Tiền sự: không. Tiền án: có 01 tiền án: Ngày 08/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự (Bản án số: 147/2016/HS-ST). Chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/10/2018 (Công văn số 640/TGKS ngày 02/6/2020 của Trại giam Kim Sơn);

**Nhân thân:**

- Ngày 17/3/1994 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc,

quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật hình sự đã được xóa án tích theo Bản án số 118/HS- ST ngày 19/11/2003 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngày 19/11/2003 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, đã được xóa án tích.

- Ngày 27/7/2004 bị Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt bản án số 118/HSST ngày 19/11/2003 của Tòa án nhân dân quận T, buộc Trần Thiện Th chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm tù, đến ngày 27/7/2007 chấp hành xong hình phạt tù, đã được xóa án tích.

- Ngày 26/6/2012 bị Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/7/2020 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà Dương Thị L, sinh năm: 1983 và ông Trần Văn Tr, sinh năm: 1981.

Cùng địa chỉ: Xóm B , thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Anh Trần Minh H, sinh năm: 1988; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cư trú: Số 69, đường Nguyễn Tấn K, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

2/ Bà Trần Thị Thu Ph, sinh năm: 1968;

Cư trú: Số 18 đường L, phường T, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Có mặt.

3/ Bà Trần Thị V, sinh năm: 1950; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cư trú: Số 42 đường L, phường N, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4/ Anh Trần Thiện Nhân, sinh năm: 1992; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cư trú: Số 1112 đường Q, phường C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

5/ Bà Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1965; Có mặt.

Cư trú: 02 B, phường 14, quận T, TP. Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: số 1112 đường Q, phường C, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;

- *Người làm chứng:*

Anh Võ Văn T, sinh năm: 1981, Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Cư trú: Tổ dân phố 1, thị trấn L, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 13/3/2020 Trần Thiện Th đã lợi dụng việc vắng người tại khu vực Nhà xe của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi sử dụng công cụ đã chuẩn bị từ trước lén mở cốp xe mô tô Honda AirBlade màu xám bạc, biển số 76D1-126.24 của bà Dương Thị L đã dựng trước đó tại khu vực Nhà xe để trộm cắp số tiền là 70.200.000 đồng (Bảy mươi triệu hai trăm nghìn đồng), số vàng là 01 (một) chiếc nhẫn cưới nam vàng tây 18k, 01 chỉ, có hột thủy nhỏ màu trắng ở trên mặt và 01 (một) dây chuyền 4 chỉ (trong đó: dây chuyền 03 chỉ, mặt 01 chỉ) bằng vàng tây 18k, dây chuyền hột bi, mặt hoa mai, có hột thủy li ti màu trắng theo cánh hoa mai và một số giấy tờ tùy thân, thẻ ATM... Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Thiện Th đã xâm hại của bà Dương Thị L thành tiền (cả tiền và vàng) là 84.375.000 đồng (Tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị hại là bà Dương Thị L trình bày: Trong túi ni lông màu vàng của bà bị trộm mất vào ngày 13/3/2020 có những tài sản như sau: Tổng số tiền mặt là 178.608.000đ (*Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng*) gồm nhiều xấp tiền, cọc tiền... khác nhau; Tổng số vàng là 20 (hai mươi) chỉ gồm dây chuyền, lách đeo tay, nhẫn vàng, bông tai...(trong đó: số vàng 9999 có trọng lượng 08 (tám) chỉ, số vàng ta 24k có trọng lượng 05 (năm) chỉ, số vàng tây 18k có trọng lượng 07 (bảy) chỉ; Các loại giấy tờ có liên quan gồm: 01 Chứng minh nhân dân, 01 Giấy phép lái xe, 01 thẻ đảng viên, 01 thẻ Bảo hiểm y tế, 01 thẻ ATM Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (MB Bank) đều mang tên Dương Thị L; 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 76D1-126.24, 02 Bảo hiểm xe mô tô mang tên Trần Văn T (là chồng của bà L); 01 sổ tiết kiệm Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội (MB Bank), 02 sổ tiết kiệm Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), 01 sổ tiết kiệm Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) đều mang tên Trần Văn T (Bà L khai tổng số tiền gửi trong 04 sổ tiết kiệm nêu trên là 471.000.000đ (*Bốn trăm bảy mươi một triệu đồng*), 01 chứng minh nhân dân và 01 thẻ Bảo hiểm y tế đều mang tên Trương Thị H, 01 thẻ Bảo hiểm y tế mang trên Trần Minh Q, 01 thẻ Bảo hiểm y tế mang tên Trần Dương Quỳnh N và một số giấy tờ khác. Cơ quan Điều tra, và Viện kiểm sát nhân dân huyện S chỉ điều tra và truy tố bị cáo Trần Thiện Th đã chiếm đoạt với tổng giá trị tài sản của bà Dương Thị L (cả tiền và vàng) là 84.375.000 đồng. Căn cứ vào tài liệu chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, đủ cơ sở xác định tổng giá trị tài sản mà Trần Thiện Th đã xâm hại của bà Dương Thị L thành tiền (cả tiền và vàng) là 84.375.000đ (Tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Không đủ cơ sở xác định Trần Thiện Th đã trộm cắp tổng số tài sản như người bị hại đã trình bày.

Tại Kết luận định giá tài sản số 18 ngày 27/11/2020 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện S xác định giá trị của 01 (một) chiếc nhẫn cưới nam vàng tây 18k (01 chỉ), có hột thủy nhỏ màu trắng ở trên mặt và 01 (một) dây chuyền (04 chỉ, trong đó: dây chuyền 03 chỉ, mặt 01 chỉ) bằng vàng tây 18k, dây chuyền hột bi, mặt hoa mai, có hột thủy li ti màu trắng theo cánh hoa mai tại thời điểm xảy ra sự xâm hại là 14.175.000 đồng (Mười bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Tại Cáo trạng số 03/CT-VKSST ngày 31 tháng 12 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Trần Thiện Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận chính bị cáo đã thực hiện hành vi lấy trộm để trộm cắp số tiền là 70.200.000 đồng (*Bảy mươi triệu hai trăm nghìn đồng*), số vàng là 01 (một) chiếc nhẫn cưới nam vàng tây 18k, 01 chỉ, có hột thủy nhỏ màu trắng ở trên mặt và 01 (một) dây chuyền 4 chỉ (trong đó: dây chuyền 03 chỉ, mặt 01 chỉ) bằng vàng tây 18k, dây chuyền hột bi, mặt hoa mai, có hột thủy li ti màu trắng theo cánh hoa mai trị giá 14.175.000 đồng (*Mười bốn triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) và một số giấy tờ tùy thân, thẻ ATM... Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Trần Thiện Th đã xâm hại của bà Dương Thị L thành tiền (cả tiền và vàng) là 84.375.000 đồng (*Tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Đến ngày 06/7/2020, thì bị lực lượng Công an huyện S bắt giữ theo quyết định truy nã như nội dung cáo trạng nêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện S giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Trần Thiện Th như Cáo trạng và sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo cùng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo đã đề nghị: Phạt bị cáo Trần Thiện Th từ 06 đến 07 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173; điểm b khoản 1 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về phần dân sự: Đến nay, bị cáo Trần Thiện Th đã tác động gia đình bồi thường cho bị hại được số tiền là 40.000.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại số tiền còn lại là 44.375.000 đồng (bốn mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu đen có logo phía trước có dòng chữ NewYork; 01 (một) áo sơ mi vải thun màu vàng: đây là trang phục mà Trần Thiện Th đã sử dụng khi thực hiện vụ trộm cắp tài sản vào ngày 13/3/2020.

01 (một) thanh kim loại có hình chữ L, bên trên thanh kim loại có dòng chữ số GS Rebel 8mm, thanh kim loại này dài 20cm, ở hai đầu bên trong rỗng có 06 cạnh, ở phần thân kim loại đặc, đường kính mỗi đầu 1,1cm;

01 (một) thanh kim loại dài 7,5cm, 01 đầu có cạnh lục giác, đường kính 01cm, dài 03cm, 01 phần nhọn dẹp dài 4,5cm. Đây là vật thu giữ được khi thực hiện Lệnh khám xét nơi Trần Thiện Th ở lúc bị bắt vào ngày 06/7/2020.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả:

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô hiệu Honda màu bạc, biển số 76X8 - 6878 mang tên Trần Minh H; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SCR, màu bạc, gắn biển số 76N5-5157 cho anh Trần Minh H. Riêng biển số xe 76N5-5157 tuyên tiêu hủy.

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DongA bank) mang tên Trần Thiện Th; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) mang tên Trần Thiện Th cho Trần Thiện Th;

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Nguyễn Thị Mỹ H tuyên trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ H.

Riêng 01 (một) thanh kim loại nhỏ, tròn, dài khoảng 10cm, có một đầu dẹp, một đầu cong mà Trần Thiện Th sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 13/3/2020 đã bị mất trong quá trình bỏ trốn, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện S không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

Lời nói sau cùng, bị cáo Trần Thiện Th nhận thức được hành vi của bị cáo là sai, là vi phạm pháp luật và xin Tòa án xử phạt bị cáo mức án nhẹ nhất để bị cáo sớm trở về với gia đình, có cơ hội làm lại cuộc đời.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện S, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối chiếu lời khai của bị cáo Trần Thiện Th tại phiên tòa là phù hợp với những tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nên Tòa án có đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thiện Th đã lợi dụng sự sơ hở lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Dương Thị L (cả tiền và vàng) là 84.375.000đ (*Tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Bản thân bị cáo đã tái phạm chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản mà bị cáo chiếm đoạt 84.375.000 đồng.

Do vậy, Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, là có căn cứ và đúng pháp luật.

Bị cáo Trần Thiện Th là người có đầy đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của mình là nguy hiểm cho xã hội nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an, bị dư luận xã hội phản ứng. Bị cáo là người đã trưởng thành, hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức được hành vi cũng như hậu quả do hành vi của bị cáo gây ra, nhưng do tham lam, lười lao động, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài mà bị cáo đã bất chấp pháp luật, cố tình thực hiện hành vi phạm tội nêu trên, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình.

[3] Bản thân bị cáo còn có nhân thân xấu, đó là ngày 17/3/1994 bị Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 18 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng về tội Đánh bạc, quy định tại khoản 1 Điều 200

Bộ luật hình sự; Ngày 19/11/2003 bị Tòa án nhân dân quận T, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; Ngày 27/7/2004 bị Tòa án nhân dân quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt bản án số 118/HSST ngày 19/11/2003 của Tòa án nhân dân quận T, buộc Trần Thiện Th chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 05 năm tù; Ngày 26/6/2012 bị Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; Ngày 08/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, quy định tại điểm c khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự;

Chúng tỏ cho thấy tuy đã được cải tạo, giáo dục, bị cáo vẫn không chịu rèn luyện, tu dưỡng để trở thành người công dân có ích cho xã hội mà ngược lại vẫn tiếp tục sống buông thả để ngày càng lún sâu vào con đường phạm tội. Đồng thời, bị cáo còn bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo tuy thuộc trường hợp nghiêm trọng, do đó Tòa án thấy cần phạt bị cáo một mức án nghiêm khắc mới có tác dụng giáo dục đối với bị cáo và để phòng ngừa chung. Tuy nhiên, xét bị cáo tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa đều có thái độ thành khẩn khai báo, đã tác động gia đình khắc phục một phần hậu quả do mình gây ra và tại phiên tòa bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Tòa án xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017, thì bị cáo còn có thể bị phạt tiền từ 05 triệu đồng đến 50 triệu đồng. Xét bị cáo không có khả năng thi hành, do đó Tòa án không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Việc bồi thường thiệt hại: Tại phiên tòa, bà Dương Thị L trình bày: Trong túi ni lông màu vàng của Bà trộm mất vào ngày 13/3/2020 có những tài sản như sau: Tổng số tiền mặt là 178.608.000đ (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng); Tổng số vàng là 20 (hai mươi) chỉ gồm dây chuyền, lách đeo tay, nhẫn vàng, bông tai (trong đó: số vàng 9999 có trọng lượng 08 (tám) chỉ, số vàng ta 24k có trọng lượng 05 (năm) chỉ, số vàng tây 18k có trọng lượng 07 (bảy) chỉ); thẻ ATM và một số giấy tờ khác, đây là tài sản của bà với ông Trần Văn Trường. Bị hại yêu cầu Trần Thiện Th phải đền bù đủ số tiền 178.608.000 đồng (Một trăm bảy mươi tám triệu sáu trăm lẻ tám nghìn đồng) và 20 chỉ vàng các loại đúng như số vàng bị xâm hại mà người bị hại đã trình bày. Ngoài ra, bị hại còn yêu cầu Trần Thiện Th phải bồi thường số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) để làm chi phí khắc phục lại số giấy tờ tùy thân đã bị mất. Việc bị hại trình bày tại phiên tòa bị hại cho rằng là đúng sự thực, không hề gian dối nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ chứng minh được bị cáo Trần Thiện Th đã chiếm đoạt tài sản của Bà và ông T (cả tiền và vàng) là 84.375.000đ thì bị hại cũng chấp nhận và nếu có thể thì xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần

hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, chỉ đủ cơ sở kết luận bị cáo Trần Thiện Th đã chiếm đoạt tài sản của bà Dương Thị L, ông Trần Văn T (cả tiền và vàng) là 84.375.000đ (*Tám mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*). Hiện nay bị cáo đã bồi thường được cho bà Dương Thị L, ông Trần Văn T số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng) nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bà Dương Thị L, ông Trần Văn T số tiền 44.375.000đ (bốn mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng)

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) mũ bảo hiểm kiểu lưới trai màu đen có logo phía trước có dòng chữ NewYork; 01 (một) áo sơ mi vải thun màu vàng của Trần Thiện Th.

- 01 (một) thanh kim loại có hình chữ L, bên trên thanh kim loại có dòng chữ số GS Rebel 8mm, thanh kim loại này dài 20cm, ở hai đầu bên trong rỗng có 06 cạnh, ở phần thân kim loại đặc, đường kính mỗi đầu 1,1cm;

- 01 (một) thanh kim loại dài 7,5cm, 01 đầu có cạnh lục giác, đường kính 01cm, dài 03cm, 01 phần nhọn dẹp dài 4,5cm.

- 01 biển số xe 76N5-5157 tuyên tiêu hủy.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên trả:

- 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô hiệu Honda màu bạc, biển số 76X8 - 6878 mang tên Trần Minh H; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SCR, màu bạc, gắn biển số 76N5-5157 cho anh Trần Minh H. Vì chiếc xe mô tô thuộc quyền sở hữu hợp pháp của anh Trần Minh H. Anh H giao xe mô tô nêu trên cho mẹ ruột là bà Trần Thị Thu Ph quản lý. Sau đó bà Ph cho Trần Thiện Th mượn để làm phương tiện đi lại. Việc Th sử dụng xe mô tô nêu trên vào việc trộm cắp tài sản ngày 13/3/2020, anh H và bà Ph hoàn toàn không biết.

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DongA bank) mang tên Trần Thiện Th; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) mang tên Trần Thiện Th cho Trần Thiện Th;

- 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Nguyễn Thị Mỹ H tuyên trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ H.

Riêng 01 (một) thanh kim loại nhỏ, tròn, dài khoảng 10cm, có một đầu dẹp, một đầu cong mà Trần Thiện Th sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội vào ngày 13/3/2020 đã bị mất trong quá trình bỏ trốn, vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra huyện S không thu giữ được nên không đề cập xử lý.

[8] Bị cáo Trần Thiện Th phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[9] Đề nghị về mức hình phạt của Đại diện viện kiểm sát đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc và chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c, g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự,

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Trần Thiện Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Về điều luật áp dụng và hình phạt:** Áp dụng Điều 50, điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

**3. Xử phạt bị cáo Trần Thiện Th** **03** (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/7/2020.

**4. Áp dụng:** Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo phải tiếp tục bồi thường cho bà Dương Thị L, ông Trần Văn T số tiền 44.375.000đ (bốn mươi bốn triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

**5. Áp dụng:** Điều 135 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Bị cáo Trần Thiện Th phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.218.750 đồng (hai triệu, hai trăm mười tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng) (44.375.000đ x 5%) án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà bên phải thi hành án không thi hành khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm thi hành án cho đến khi thi hành xong. Lãi suất phát sinh chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

**6. Về xử lý vật chứng:** Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên:

- Tịch thu và tiêu hủy 01 (một) mũ bảo hiểm kiểu lưỡi trai màu đen, 01 (một) áo sơ mi vải thun màu vàng của Trần Thiện Th; 01 (một) thanh kim loại có hình chữ L; 01 (một) thanh kim loại dài 7,5cm, 01 đầu có cạnh lục giác, đường kính 01cm, dài 03cm, 01 phần nhọn dẹp dài 4,5cm và 01 biển số xe 76N5-5157 tuyên tiêu hủy.

- Tuyên trả: 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô hiệu Honda màu bạc, biển số 76X8 - 6878 mang tên Trần Minh H; 01 (một) xe mô tô hiệu Honda SCR, màu bạc cho anh Trần Minh H; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng thương mại cổ phần Đông Á (DongA bank) mang tên Trần Thiện Th; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) mang tên Trần Thiện Th cho Trần Thiện Th; 01 (một) thẻ ATM Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) mang tên Nguyễn Thị Mỹ H tuyên trả lại cho Nguyễn Thị Mỹ H.

*Có đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan Điều tra và Chi Cục Thi hành án huyện Sơn Tịnh ngày 22/02/2021.*

**7. Kháng cáo:** Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quyền kháng cáo trong



thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Sơn Tịnh;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Sơn Tịnh;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường C, TP. Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường 14, quận B, TP. Hồ Chí Minh
- Lưu: Án văn; hồ sơ vụ án.

**Thượng Trọng Ký**